

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU:

1. Giới thiệu về dự án

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Phú Cát, thành phố Hà Nội.

1.2. Chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư – Hạ tầng xã Phú Cát.

1.3. Địa điểm xây dựng: Xã Phú Cát, thành phố Hà Nội.

1.4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách xã và đề nghị Ngân sách Thành phố hỗ trợ.

1.5. Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện cho các cơ quan thuộc Đảng ủy – HĐND – UBND xã; tạo môi trường làm việc khang trang, sạch đẹp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thực thi công vụ phục vụ nhân dân.

1.6. Địa điểm, phạm vi đầu tư:

- Địa điểm: Xã Phú Cát, thành phố Hà Nội.
- Phạm vi đầu tư: Trong khuôn viên đất Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã có tổng diện tích khoảng 2,359 ha.

1.7. Quy mô dự án:

1.7.1. Loại công trình, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp III.

1.7.2. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

1.7.3. Quy mô xây dựng:

a. *Trung tâm hành chính công:* Khối nhà số 10 (ký hiệu trên TMB).

- Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Phú Cát : 10 cán bộ cnv
- Ban quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng : 50 cán bộ cnv
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã : 33 cán bộ cnv
- Phòng Văn hóa – Xã hội : 19 cán bộ cnv

Diện tích xây dựng : 742 m².

Tổng diện tích sàn : 2.260 m².

Tầng cao : 04 tầng.

Cấp công trình : cấp III.

Công trình xây dựng cao 4 tầng. Với khung BTCT chịu lực chính, sàn và mái đổ BTCT tại chỗ, tường 220 xây bao che. Tổng chiều cao công trình 17,4m (tính từ cốt 0.00). Lưới cột chủ đạo 3.6m x 6.3m và 5.8m, hành lang rộng 2.4m, vệ sinh nam nữ riêng biệt và vệ sinh cho người khuyết tật, thang 3.6m x 6.4m và 3.6m x 7.5m. Hệ thống phòng làm việc, hành lang, thang, vệ sinh khép kín theo tiêu chuẩn thiết kế. Hệ thống trang thiết bị đồng bộ theo công trình.

Bảng thống kê bố trí phòng chức năng

STT	Tầng	Phòng chức năng	Diện tích phòng (m ²)	Số lượng (phòng)
Trung tâm hành chính công – Ký hiệu số 10 trên TMB				
1	Tầng 1 (Điểm hỗ trợ dịch vụ công số)	Phòng 1 cửa – Dịch vụ hành chính công (Khu vực hướng dẫn, khu vực lấy sổ tự động, khu vực tra cứu thông tin, số hóa tài liệu, khu	100	01

STT	Tầng	Phòng chức năng	Diện tích phòng (m2)	Số lượng (phòng)
		vực tư vấn)		
3		Phòng máy và quản trị mạng	18	01
4		Phòng làm việc	20	01
5		Phòng làm việc	20	01
6		Phòng làm việc	64	01
7		Phòng kho tổ chức hành chính	42	01
8		Phòng kho	65	01
9		WC nam, nữ, người khuyết tật	40	01
10		Các không gian phụ: cầu thang, thang máy, hành lang, đường dốc người khuyết tật và phòng kỹ thuật		
11		Phòng lãnh đạo	18	01
12		Phòng lãnh đạo phó	18	02
13		Phòng văn thư	9	01
14	Tầng 2 (Ban quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng)	Phòng làm việc	57	01
15		Phòng làm việc	64	01
16		Phòng làm việc	42	02
17		Phòng họp	64	01
18		WC nam, nữ	19	01
19		Các không gian phụ: cầu thang, thang máy, hành lang và phòng kỹ thuật		
20		Phòng lãnh đạo	18	01
21		Phòng lãnh đạo phó	18	04
22		Phòng văn thư	9	01
23	Tầng 3 (Ủy ban MTTQ Việt Nam xã)	Phòng làm việc	18	01
24		Phòng làm việc	20	01
25		Phòng tổ chức hội	31	06
26		WC nam, nữ	19	01
		Các không gian phụ: cầu thang, thang máy, hành lang và phòng kỹ thuật		
27		Phòng lãnh đạo	18	01
28		Phòng lãnh đạo phó	18	02
29		Phòng văn thư	9	01
30	Tầng 4 (Phòng Văn hóa – Xã hội)	Phòng làm việc	42	02
31		Phòng họp	57	01
32		Phòng họp	86	01
33		Phòng kho	42	01
34		WC nam, nữ	19	01
35		Các không gian phụ: cầu thang, thang máy, hành lang, và phòng kỹ thuật		

b. Trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã cải tạo: Khối nhà số 03 (ký hiệu trên TMB).

Diện tích xây dựng : 986 m2.

Tổng diện tích sàn : 1.585 m2.

Tầng cao : 02 tầng.

Cấp công trình : cấp III.

Cơ bản giữ lại công năng, ngăn chia 1 số không gian chính phục vụ mục đích sử dụng: Sắp xếp bố trí vách ngăn các phòng; Bổ sung phòng Bá âm và phòng kho chứa vật tư; Bổ sung vách tiêu âm phòng hội trường; Vách ngăn phòng, rèm cửa; Cải tạo hệ thống điện; sơn lại toàn bộ trong và ngoài nhà công trình (toàn bộ hệ thống cấu kiện kiến trúc); Cải tạo, xử lý chống thấm hệ thống mái (sê nô mái, phương án lợp bổ sung mái tôn phần sê nô), bổ sung vách kính tầng 2 trực G5-G9,

- Các hạng mục phụ trợ: Sân, đường giao thông, khu để xe ngoài trời; Bồn cây, cân vườn; Cấp thoát nước ngoài nhà; cấp điện, chiếu sáng (ngoài nhà, sân đường, PCCC...), cổng, tường rào, các hạng mục HTKT đồng bộ trong khu đất.

c. Các công trình phụ trợ.

❖ Xây dựng Nhà để xe.

Tổng diện tích xây dựng : 50 m².

Tổng diện tích sàn : 50 m².

Tầng cao : 1 tầng.

Công trình xây dựng 1 tầng, cột thép ống mạ kẽm, bước cột 4,6m, bước gian 3,0m. Mái lợp tôn liên doanh, xà gỗ thép. Nền láng vữa xi măng.

Móng đơn BTCT, liên kết cột bằng thép bản và bu lông.

❖ Xây dựng Nhà bảo vệ.

Xây dựng mới nhà bảo vệ: Nhà 1 tầng kích thước 3,5m x 4,0m. Móng đơn BTCT, hệ khung chịu lực. Tường gạch không nung, sàn mái BTCT được lợp mái tôn chống nóng.

❖ Hệ thống sân đường nội bộ, sân vườn và cổng, tường bao:

Sân đường:

- Toàn bộ hệ thống sân đường được thiết kế bằng phẳng, có cây bóng mát và đảm bảo vệ sinh. Được chia làm nhiều khu vực với chức năng khác nhau.

- Phần sân đường làm mới bằng asphat; kết cấu gồm: lớp bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm, tưới nhựa bảm dính, cấp phối đá dăm loại 1 dày 15-18cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 15-20cm, đất san nền đầm chặt K95-98 (hiện trạng), đất tự nhiên; hoàn thiện đảm bảo không gian sạch đẹp phục vụ làm việc và tổ chức hội thao.

- Bó vỉa; Bồn hoa, cây xanh, thảm cỏ đồng bộ hạng mục xây dựng trong giai đoạn đầu tư.

Cổng phụ, tường bao:

- Toàn bộ diện tích dự án, được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào bao quanh. Có 2 loại tường rào:

+ Hệ thống rào hiện trạng giữ nguyên, được cải tạo sơn mới lại.

+ Tường rào xây gạch xây bao quanh khu đất còn lại, nối liền tường rào hiện trạng có tổng chiều dài khoảng L = 330m.

+ Cổng phụ: Xây dựng cổng phụ (trụ BTCT), cánh bằng Inox xếp, có mô tơ tự động, kết nối hệ thống điều khiển đặt tại Nhà bảo vệ.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

- Xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống đường cấp điện, TTLL... đồng bộ (theo hiện trạng hiện có của khu vực).

❖ Giao thông, san nền:

- Nền hiện trạng đã được san nền trong giai đoạn đầu

- Cao độ xây dựng lựa chọn cho khu vực dự án được lựa chọn dựa trên cao độ các tuyến đường hiện trạng, và nền hiện trạng tại vị trí khu vực là +9.25 đến +9.30.

- Phần sân đường làm mới bằng asphang; kết cấu gồm: lớp bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm, tưới nhựa bảm dính, cấp phối đá dăm loại 1 dày 15-18cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 15-20cm, đất san nền đầm chặt K95-98 (hiện trạng), đất tự nhiên; hoàn thiện đảm bảo không gian sạch đẹp phục vụ làm việc và tổ chức hội thao.

- Bó vỉa; Bồn hoa, cây xanh, thảm cỏ đồng bộ hạng mục xây dựng trong giai đoạn đầu tư.

❖ Cấp nước

- Hệ thống cấp nước cho dự án phải đảm bảo phù hợp với sơ đồ cấp nước của quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; đảm bảo việc bảo vệ và sử dụng tổng hợp các nguồn nước.

- Khi cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước, phải đánh giá về kỹ thuật, kinh tế và điều kiện vệ sinh của các công trình cấp nước hiện có và dự kiến khả năng sử dụng tiếp. Phải xét đến khả năng sử dụng đường ống, mạng lưới và công trình theo từng đợt xây dựng.

- Nhu cầu dùng nước của các đô thị phải thỏa mãn các yêu cầu về số lượng, chất lượng, áp lực nước cấp cho các nhu cầu trong đô thị, bao gồm:

- + Nhu cầu dùng nước cho ăn uống sinh hoạt của người dân trong khu vực
- + Nước cho các công trình công cộng: 10% lượng nước sinh hoạt;
- + Nước cho kinh doanh, sản xuất nhỏ: 10% lượng nước sinh hoạt;
- + Cấp nước chữa cháy;
- + Nước dự phòng, rò rỉ: đối với các hệ thống nâng cấp cải tạo không quá 20%, đối với hệ thống xây mới không quá 15% tổng các loại nước trên.

- Chất lượng nước cấp cho ăn uống và sinh hoạt phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn nước cấp sinh hoạt. Hoá chất, vật liệu, thiết bị... trong xử lý, vận chuyển và dự trữ nước ăn uống không được ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước và sức khoẻ của con người.

Giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được dự kiến lấy từ mạng lưới cấp nước chung khu vực, đã cấp cho Nhà văn hóa hiện trạng.

- Hệ thống cấp nước được thiết kế kết hợp giữa cấp nước sinh hoạt và chữa cháy.

- Xây dựng các tuyến ống phân phối lên kết mái D50 cấp vào bể chứa, từ đó sử dụng hệ thống bơm sinh hoạt cấp lên mái nhà văn hóa bằng ống D32mm. Ống được chôn sâu trung bình cách mặt đất từ 0,3m đến 0,5m so với đỉnh ống

❖ Thoát nước mưa

Giải pháp thiết kế

- Để phù hợp với tình hình thoát nước chung của khu vực, hiện trạng nền, hiện trạng thoát nước khu vực, hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch thiết kế thu gom theo các tuyến nội bộ sau đó thoát vào cống thoát nước tuyến hiện trạng phía Bắc dự án.

- Để thu gom nước mưa tại mặt sân, Nhà văn hóa trung tâm xã, bố trí sử dụng các tuyến rãnh nắp đan xây gạch B400 thu nước, bố trí hố ga thu nước sử dụng lưới composite.

- Hệ thống thoát nước mưa được bố trí nằm ngầm dưới sân, rãnh thoát nước xây bằng gạch. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: Giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, giếng thu thăm kết hợp... v.v... khoảng cách trung bình giữa các giếng là 20-30m bố theo quy định hiện hành.

Mạng lưới thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn: nước mưa riêng, nước bẩn riêng.

- Mạng lưới thoát nước mưa được tính toán thiết kế đảm bảo thu gom và vận chuyển nước mưa ra khỏi lưu vực một cách nhanh nhất, tránh úng ngập đường phố và các khu dân cư, phù hợp với tình hình hiện trạng khu vực, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng.

- Nước mưa được thu gom và dẫn đến các điểm xả theo con đường ngắn nhất bằng tự chảy, tận dụng triệt để độ dốc địa hình tự nhiên để giảm độ sâu chôn cống.

- Đảm bảo thoát nước tốt cho khu vực dự án và các khu dân cư lân cận.

❖ **Thoát nước thải**

- Xây dựng mạng lưới thoát nước thải riêng rẽ với nước mưa. Các công trình phải xây các bể tự hoại được làm sạch sơ bộ sau đó được thu gom vào hệ thống cống thoát nước thải chung khu vực.

- Nước thải được thu từ các công trình được thu gom vào cống D140. Do khu vực chưa có hệ thống thoát nước thải, nước thải từ tuyến cống D140 sẽ được thoát ra tuyến rãnh hiện trạng của tuyến đường giáp phía Bắc khu đất.

❖ **Cấp điện, chiếu sáng**

- Nguồn cấp: Lấy nguồn từ khu vực đến tủ điện tổng (bằng cáp CU/XLPE/PVC4x50mm²).

- Từ tủ tổng đặt tại nhà trạm điện cấp đến các tủ điện hạng mục. Toàn bộ hệ thống đường dây được chôn ngầm (CÁP CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC: 2X6MM²+E-1X6MM² ĐI TRONG ỐNG HDPE D40/30).

- Bố trí cột chiếu sáng phù hợp với công năng sử dụng khu vực xây dựng trong giai đoạn này, bằng đèn cần 8m.

❖ **Thông tin liên lạc**

- Đầu nối hệ thống TTLL hiện trạng chạy dọc trên tuyến đường phía Bắc giáp khu đất.

d. *Thiết bị:* Mua sắm trang thiết bị làm việc và PCCC.

2. Giới thiệu về gói thầu:

2.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 06: Lập hồ sơ thiết kế sau thiết kế cơ sở.

2.2. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn hai túi hồ sơ.

2.3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

2.4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày

2.5. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn được nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đáp ứng điều kiện năng lực, kinh nghiệm, đội ngũ chuyên gia lành nghề, trang thiết bị đầy đủ, để thực hiện công tác Tư vấn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án cho gói thầu đảm bảo sản phẩm dịch vụ tư vấn đạt yêu cầu chất lượng, tuân thủ quy trình quy phạm và các quy định hiện hành của Nhà nước, đáp ứng tiến độ với giá thành hợp lý.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc

- Tư vấn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Cải tạo, nâng cấp trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Phú Cát, thành phố Hà Nội.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn.

- Lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Tuân thủ theo đúng Điều 79, Điều 80 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 33 của Nghị định số

15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành của nhà nước.

- Lập tổng dự toán xây dựng công trình: Thực hiện theo đúng Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các văn bản hướng dẫn hiện hành của nhà nước

3. Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Tiến độ thực hiện: Tối đa 90 ngày.

- Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết (bao gồm cả bố trí nhân lực, thiết bị) để thực hiện từng hạng mục công việc đảm bảo tổng thời gian thực hiện tối đa là 90 ngày (không bao gồm thời gian chờ thẩm định, phê duyệt của các đơn vị liên quan).

- Nhà thầu trình nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và tài liệu thuộc dịch vụ tư vấn cho từng nội dung công việc theo tiến độ đã dự kiến. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

- Báo cáo khác: Thực hiện khi có yêu cầu của Chủ đầu tư và các Cơ quan liên quan khác.

2. Sản phẩm giao nộp: 07 bộ hồ sơ theo quy định + 01 USB kèm theo (lưu toàn bộ file mềm và file scan hồ sơ, tài liệu đã hoàn thiện theo kết quả thẩm định và phê duyệt), bao gồm:

- Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.
- Hồ sơ dự toán xây dựng công trình.
- Các hồ sơ khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ NHÀ THẦU:

Kinh nghiệm và nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí được nêu tại mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Chương III (Tiêu chuẩn đánh giá EHSĐT). Nhà thầu lưu ý một số nội dung sau:

- Đối với các nội dung về năng lực và kinh nghiệm, trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4, Điều 16, Luật Đấu thầu. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật cho Bên mời thầu để đối chiếu với các thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT.

- Đối với kinh nghiệm thực hiện Hợp đồng tương tự tại điểm 1.1, mục 2, tại Chương III (Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT), yêu cầu:

+ Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự nêu trên là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành.

+ Nhà thầu cung cấp bản chính hoặc bản sao được chứng thực các tài liệu sau: Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành hoặc Thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư về việc hoàn thành hợp đồng hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương; Hóa đơn tài chính và các tài liệu chứng minh loại, cấp công trình (như Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt TKKT/Quyết định phê duyệt TKBVTC,...).

+ Đối với nhà thầu liên danh từng thành viên trong liên danh phải có hợp đồng tương tự tương ứng với phần công việc đảm nhận trong liên danh.

+ Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

+ Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là nhà thầu phụ thì phải được chủ đầu tư xác nhận. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Nhà thầu gửi kèm Báo cáo tài chính năm 2025 và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử.
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Báo cáo kiểm toán năm 2025.

Lưu ý: Đối với báo cáo tài chính và một trong các tài liệu được thống kê nêu trên là các tài liệu đã được ký điện tử thì nhà thầu cần đóng sao y bản chính đối với tài liệu do nhà thầu ký điện tử, phát hành và nhà thầu cần đóng dấu treo đối với các tài liệu do cơ quan thuế ký điện tử, phát hành. Nhà thầu chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về các nội dung, tài liệu cung cấp này.

Nhà thầu phải gửi kèm theo các tài liệu chứng minh đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt tại Chương III (Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT), bao gồm:

- kê khai danh sách, lý lịch chuyên gia tư vấn theo mẫu E-HSMT;
- Bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực Bằng cấp và Chứng chỉ hoạt động xây dựng phù hợp theo yêu cầu;
- Bản gốc hoặc bản sao công chứng hoặc chứng thực Căn cước công dân.
- Tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự (Bản sao chứng thực hoặc sao y bản chính hợp đồng lao động còn thời hạn hoặc hợp đồng thuê nhân sự....).
- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự ứng với vị trí đảm nhận: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là bản công chứng hoặc bản sao chứng thực để chứng minh kinh nghiệm: Biên bản nghiệm thu hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác có tên chuyên gia và tài liệu chứng minh loại, cấp công trình (như Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt TKBVTC,...).

Ngoài những nhân sự tối thiểu theo yêu cầu tại tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, nhà thầu phải huy động đầy đủ số lượng nhân sự thực hiện gói thầu đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, tiến độ.

Lưu ý:

- Từng vị trí nhân sự phải đáp ứng yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ thì được xem xét, đánh giá tiếp theo.
- Số năm kinh nghiệm của nhân sự được đánh giá trên cơ sở nội dung kê khai tại Mẫu số 07 của HSMT.
- Trường hợp Nhà thầu Liên danh, năng lực nhân sự của nhà thầu Liên danh là tổng năng lực nhân sự của các thành viên trong Liên danh trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận.
- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

- + E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn tổng quát, chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự theo yêu cầu của E-HSMT thì sẽ được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
- Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu theo yêu cầu tại Chương III - “Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT” của E-HSMT. (Đối với các tài liệu có yêu cầu là bản sao công chứng hoặc chứng thực thì khi nộp cùng với E-HSDT các tài liệu này phải được scan từ bản sao công chứng hoặc chứng thực hợp lệ. Nhà thầu phải chuẩn bị bản gốc (bản cứng) các tài liệu của E-HSDT để sẵn sàng làm rõ, đối chiếu khi Bên mời thầu yêu cầu).

Trong trường hợp trúng thầu, nhà thầu sẽ phải cung cấp bản sao có công chứng/chứng thực của các tài liệu có yêu cầu là bản sao công chứng/chứng thực để Bên mời thầu xem xét, đối chiếu trước khi ký kết Biên bản thương thảo hợp đồng. Trong trường hợp Bên mời thầu phát hiện các thông tin nhà thầu kê khai không chính xác, nhà thầu sẽ bị đánh giá là vi phạm Luật Đấu thầu.

Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, các nhân sự không đáp ứng yêu cầu sẽ không được xem xét đánh giá và hoặc không được tham gia thực hiện gói thầu.

Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN MỜI THẦU:

- Phối hợp với tư vấn tư vấn và làm rõ các tài liệu về dự án, kế hoạch, mục tiêu xây dựng công trình mà các cấp có thẩm quyền đã duyệt.
- Phối hợp với tư vấn lựa chọn các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với chế độ quy định của Nhà nước.
- Sẵn sàng cung cấp những thông tin số liệu đã có khi đơn vị tư vấn có yêu cầu.
- Phối hợp với địa phương trong vùng dự án tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát được thuận tiện.
- Cử các cán bộ giám sát theo dõi khối lượng và chất lượng trong suốt quá trình khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán (BIM).

VI. NỘI DUNG KHÁC

1. Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu là: 880.241.000 đồng (giá trên đã bao gồm 10% thuế GTGT và tất cả các loại thuế, phí khác).
2. Việc miễn giảm thuế GTGT theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ được thực hiện trên cơ sở thời gian triển khai dịch vụ tư vấn và nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định. Trường hợp tại thời điểm nghiệm thu thanh toán, nếu mức thuế GTGT < 10% thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ khoản chi phí phần thuế giảm đi ngay trên hồ sơ thanh toán của nhà thầu.